

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 26-7-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLPT- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 23/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2023/QĐ-PT ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị X, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân cư số A, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ dân cư số A, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Phạm Thị X - Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, bản tự khai ngày 23/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Q đăng ký kết hôn ngày 01/4/2010, tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2020

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con, chị X cho rằng anh Q nhiều lần có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm, vu khống, bịa đặt cho chị làm cháu Đ bị ảnh hưởng tâm lý, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, từ ngày 20/8/2022 chị X dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng và mang theo con trai lớn là cháu Phạm Thành Đ. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị X và anh Q có 02 con chung là Phạm Thành Đ - sinh ngày 08/11/2011 và Phạm Tiến T - sinh ngày 15/4/2014, hiện cháu Đ đang ở với chị X, cháu T đang ở với anh Q. Nguyên vọng của chị là sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị X khẳng định có đủ khả năng tài chính và điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy các con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2022, văn bản trình bày ý kiến ngày 21/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Phạm Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 01/4/2010. Quá trình chung sống rất hạnh phúc, vợ chồng tôn trọng thương yêu nhau, cùng nhau làm ăn, chăm lo vun vén cho gia đình; anh Q chưa bao giờ xúc phạm hay đánh đập chị X, thỉnh thoảng vợ chồng to tiếng mắng chửi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất thoáng qua, sau đó vợ chồng vui vẻ trở lại; trong thời gian chị X ở riêng, anh Q vẫn quan tâm, chăm sóc hai mẹ con. Anh Q khẳng định vẫn yêu thương chị X và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái vì anh chị có một người con bị mắc chứng tự kỷ, cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ.

Về con chung: Anh Q thống nhất lời khai như nội dung chị X trình bày. Tuy nhiên anh Q không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 23/3/2023 của TAND huyện M, tỉnh Điện Biên quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Các Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 7, 9, và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị X về việc yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Q.

- Về nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị X về việc yêu cầu giải quyết nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị X, anh Phạm Văn Q có tài sản chung và nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/4/2023, chị Phạm Thị X nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, đồng thời giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thành Đ và Phạm Tiến T, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị X nộp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh Q đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Thẩm phán đã tiến hành ghi ý kiến của các con, cháu Phạm Thành Đ có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Phạm Tiến T có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc từ lâu, anh Q gia trưởng, không tôn trọng chị, mọi công việc gia đình anh không đỡ đần, chia sẻ, gánh vác với chị; anh nói với người ngoài là chị có quan hệ ngoại tình, làm ảnh hưởng đến phẩm chất, danh dự của chị; anh chị thường to tiếng mắng chửi nhau về phương pháp nuôi dưỡng, giáo dục con; có vài lần anh Q dùng bạo lực với chị nên chị phải đi điều trị (truyền ô xy)...từ đó chị không còn yêu thương anh Q, chị cảm thấy đời sống chung của vợ chồng ngột ngạt, căng thẳng nên không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa; anh chị đã sống ly thân gần một năm, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau mọi công việc nữa; chị khẳng định tình cảm dành cho anh Q không còn nên chị cương quyết xin được ly hôn. Về con chung, chị X đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con theo nguyện vọng của các con, đó là giao cho chị X nuôi dưỡng cháu Đ, anh Q nuôi dưỡng cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, anh chị đều có sức khỏe và có thu nhập nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Anh Q cho rằng, trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng to tiếng với nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, không làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, anh là người nóng tính nhưng hết mực yêu thương vợ con, anh chưa bao giờ đánh đập hay dùng bạo lực với chị X, anh công nhận những hình ảnh chị X cung cấp cho Tòa án là chụp vết thương trên cơ thể chị X, những vết bầm tím này không phải anh gây ra; trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh rất ít gặp và không liên lạc được với chị X vì chị cố tình tránh mặt và chặn mọi nguồn liên lạc với anh; theo anh Q, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn rất yêu thương vợ và tha thiết mong được đoàn tụ, vì vậy anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Q nhất trí với ý kiến của chị X về việc giao cho chị X nuôi dưỡng cháu Đ, anh Q nuôi dưỡng cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào, anh có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi dưỡng con chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Đơn kháng cáo của chị X nộp trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Qua xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng: Trong quá trình chung sống, anh Q và chị X đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 Luật Hôn nhân gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau; anh chị đã từng ra Tòa giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để tạo cơ hội cho nhau cùng sửa chữa khuyết điểm, xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng vẫn không mang lại kết quả. tại phiên tòa phúc thẩm chị X nhiều lần khẳng định nếu Tòa án không giải quyết cho chị ly hôn, chị cũng không bao giờ quay về chung sống cùng anh Q. Anh Q cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy có thể thấy rằng, hôn nhân của anh Q và chị X không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phạm Thị X; về con chung, căn cứ vào nguyện vọng của các con và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX phúc thẩm giao cho chị X nuôi dưỡng cháu Đ, giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị X; sửa Bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 23/3/2023 của TAND huyện M, tỉnh Điện Biên; về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn Q, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị X được nộp trong thời hạn luật định, nội dung và hình thức đảm bảo theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị X:

[2.1] Về hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị X và anh Q chung sống hạnh phúc được một thời gian dài và đã có 02 con chung. Chị X xin ly hôn với anh Q do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con, nhưng không cung cấp được

tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị X cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ là một số hình ảnh chụp vết bầm tím trên cơ thể chị, hình ảnh chị đang truyền; giấy xác nhận về tình trạng tinh thần của cháu Đ; sổ theo dõi nhận tiền trợ cấp khuyết tật; đơn khởi kiện lần đầu và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2022/QDDST-HNGĐ ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, chị khẳng định cuộc sống chung của chị và Q không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng kéo dài khiến cho chị không còn yêu thương, quan tâm anh Q, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, vì vậy chị cương quyết xin ly hôn. Anh Q khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là nhỏ nhặt, anh vẫn còn yêu thương chị X nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, đây là lần thứ hai chị X nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, chị X và anh Q không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, liên lạc trao đổi chia sẻ với nhau mọi công việc gia đình; tại phiên tòa anh chị gay gắt đối đáp nhau, thiếu tôn trọng nhau, anh Q không có giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn; chị X nhiều lần khẳng định tình cảm dành cho anh Q không còn, nếu Tòa án không giải quyết cho chị ly hôn, chị cũng không bao giờ quay về chung sống cùng anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ thật sự hạnh phúc khi có sự tự nguyện xây dựng từ hai phía, vợ chồng cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau. Qua các tài liệu, chứng cứ cung cấp bổ sung và tranh tụng công khai, dân chủ tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng anh Q và chị X đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17 và Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận kháng cáo của chị X, xử cho chị X được ly hôn với anh Q.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện: chị X và anh Q có hai con chung là cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Phạm Tiến T, sinh ngày 05/4/2014, hiện cháu Đ đang ở với chị X, còn cháu T đang ở với anh Q. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành ghi ý kiến nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, cháu Đ có nguyện vọng ở với mẹ, cháu T có nguyện vọng ở với bố. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q và chị X nhất trí nuôi con theo nguyện vọng của các con, anh chị khẳng định có đủ sức khỏe và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng đều xuất phát từ lợi ích của đứa trẻ nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho trẻ sau khi cha mẹ ly hôn; chị X và anh Q đều có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần

căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Thành Đ cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Tiến T cho anh Phạm Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[2.3] Từ những nhận định, phân tích trên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị X, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 23/3/2023 của TAND huyện M.

[2.4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo chị Phạm Thị X được chấp nhận nên chị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho chị X theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị X; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung:

Giao con Phạm Thành Đ, sinh ngày 08/11/2011 cho chị Phạm Thị X có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Giao con Phạm Tiến T, sinh ngày 05/4/2014 cho anh Phạm Văn Q có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0009775 ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên. Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của chị Phạm Thị X được chấp nhận. Hoàn trả cho chị X 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0009858 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/7/2023)./.

Nơi nhận:

- TAND huyện M;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hòa